

Số: 567 /UBND-TH

Bình Phước, ngày 23 tháng 02 năm 2023

V/v hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xây
dựng nghị quyết của HĐND tỉnh
trình tại kỳ họp thường lệ năm 2023

Kính gửi:

- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh.

Thực hiện Công văn số 53/HĐND ngày 14/02/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thống nhất danh mục dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh trình tại kỳ họp thường lệ năm 2023;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Để đảm bảo trình tự, thủ tục ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh tại các kỳ họp thường lệ năm 2023 đúng quy định của pháp luật và đạt chất lượng, yêu cầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết (có hồ sơ kèm theo) và gửi về UBND tỉnh **trước ngày 24/3/2023** đối với các hồ sơ trình tại kỳ họp giữa năm 2023; **trước ngày 30/8/2023** đối với các hồ sơ trình tại kỳ họp cuối năm 2023.

2. Về hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện, yêu cầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 519/HĐND ngày 20/12/2022 và Quy chế làm việc của UBND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 ban hành kèm theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh.

3. Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan chuyên môn có liên quan, giao Văn phòng UBND tỉnh rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh theo quy định.

4. Phân công các Phó Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo các sở, ban, ngành được giao quản lý, phụ trách triển khai thực hiện việc chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp HĐND tỉnh bảo đảm chất lượng, hiệu quả và theo đúng tiến độ. Đối với nội dung trình HĐND tỉnh, các sở, ban, ngành phải báo cáo, thông qua Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh quản lý ngành, lĩnh vực trước khi trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh.

5. Ngoài các nội dung đã được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất tại Công văn số 53/HĐND ngày 14/02/2023, trường hợp phát sinh nội dung cần thiết, cấp bách thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh cần giải quyết ngay, yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh kịp thời có văn bản tham mưu UBND tỉnh đăng ký với Thường trực HĐND tỉnh cho tổ chức kỳ họp chuyên đề để xử lý.

(Gửi kèm theo: Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh; Công văn số 519/HĐND ngày 20/12/2022 và Công văn số 53/HĐND ngày 14/02/2023 của Thường trực HĐND tỉnh)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT. (49Thg-22/2) 5c

CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

TỜ TRÌNH

**Đăng ký danh mục Dự thảo Nghị quyết trình
Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong năm 2023**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2023;

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký danh mục Dự thảo Nghị quyết đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong năm 2023, cụ thể như sau:

1. Tại kỳ họp giữa năm 2023:

Gồm có 20 dự thảo Nghị quyết, cụ thể:

STT	Tên Nghị quyết	Sự cần thiết ban hành	Cơ quan soạn thảo	Ghi chú
1	Quy định nội dung và mức chi điều tra thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Việc thu thập, cung cấp thông tin thị trường lao động đầy đủ, kịp thời, chính xác, làm căn cứ lập cơ sở dữ liệu thông tin về lĩnh vực lao động - việc làm, xây dựng và hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về thị trường lao động, phục vụ cho việc hoạch định chính sách, kế hoạch lao động - việc làm và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu cung - cầu thị trường lao động trong từng thời kỳ, phục vụ hiệu quả cho công tác chỉ đạo và điều hành của các cấp trong thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, trong thời gian qua tỉnh chưa ban hành nội dung, mức chi cho điều tra, thu thập thông tin thị trường lao động từ ngân sách địa phương, nên gây ra khó khăn trong việc xác định nội dung chi	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	

		và mức chi phục vụ công tác điều tra. Tại Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra quốc gia, quy định: “Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 3 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu tính chất phức tạp của cuộc Điều tra thống kê, địa bàn Điều tra thống kê khó khăn: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định một số mức chi cao nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 3 Thông tư này”. Do vậy, việc trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này là cần thiết, đúng quy định.		
2	Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; tại gia đình và cộng đồng	Hiện nay, các căn cứ xây dựng Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND đã hết hiệu lực. Do vậy, việc trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 là cần thiết, đúng quy định.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	

	trên địa bàn tỉnh Bình Phước			
3	Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Danh mục các dự án cần thu hồi đất và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2022 tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có một số dự án mới phát sinh sau khi Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 được ban hành; do đó, để có cơ sở thực hiện các dự án mới phát sinh này trong năm 2023 cần phải trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này.	Sở Tài nguyên và Môi trường	
4	Thông qua danh mục bổ sung các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020	Danh mục điều chỉnh, bổ sung các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh đã thông qua tại Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020, Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021, Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 và Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022. Tuy nhiên, hiện nay theo tình hình thực tế của địa phương, có nhiều dự án chưa triển khai thực hiện trong khi nhu cầu của các đơn vị khác là rất lớn; do đó, để tránh lãng phí chi tiêu sử dụng đất đã được Chính phủ phân bổ cần điều chỉnh lại danh mục các dự án chuyển mục đích đất lâm nghiệp cho phù hợp.	Sở Tài nguyên và Môi trường	

5	Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023	Khoản 7, Điều 67 Luật Đầu tư công 2019 quy định về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công: <i>“7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây:</i> <i>a) Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;</i> <i>b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương;</i> <i>c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương”.</i> Vì vậy, việc HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023 là cần thiết và đúng thẩm quyền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6	Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Tại kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh khóa X đã thông qua Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, theo đó dự phòng ngân sách tỉnh là 1.699 tỷ 263 triệu đồng. Nguồn dự phòng này cần được phân bổ để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh. Vì vậy, việc trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này là cần thiết và đúng thẩm quyền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
7	Thông qua Nghị quyết về dự kiến Kế hoạch đầu tư	Tại khoản 5, Điều 56 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: <i>“Trước ngày 25 tháng 7 hằng năm, Ủy</i>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	

	công năm 2024	<i>ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự kiến kế hoạch đầu công năm sau”.</i> Vì vậy, việc HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024 là cần thiết và đúng thẩm quyền.		
8	Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021-2025	Tại khoản 7, Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: “<i>Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý</i>”. Vì vậy, việc HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án là cần thiết và đúng thẩm quyền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
9	Quy định về mức chi cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, HĐND tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 41/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 quy định về mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, hiện Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC. Do đó, để đảm bảo các nguồn lực cần cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế quản lý nhà nước của địa phương đối với	Sở Tư pháp	

		công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định về mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh thay thế Nghị quyết số 41/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 là cần thiết và đúng thẩm quyền.		
10	Quy định mức hỗ trợ cho giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc; người giúp việc cho giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Người giám định tư pháp phải làm việc với cường độ cao, nhiều nhiệm vụ đột xuất phát sinh, môi trường làm việc độc hại, nguy hiểm, tiếp xúc thường xuyên với độc tố, các bệnh truyền nhiễm, nhất là Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự và giám định pháp y. Trách nhiệm của người giám định tư pháp nặng nề. Chế độ đãi ngộ đối với giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc chưa đảm bảo, ngoài việc được bồi dưỡng giám định theo Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư 02/2009/TT-BTP ngày 17/9/2009 của Bộ Tư pháp và một số văn bản khác liên quan. Tuy nhiên, với mức bồi dưỡng quy định chưa tương xứng với tính chất, mức độ và yêu cầu đối với người giám định tư pháp. Vì vậy, để khuyến khích, động viên và người giám định tư pháp yên tâm công tác đáp ứng ngày càng cao công tác giám định thì việc ban hành Nghị quyết này là cần thiết và đúng thẩm quyền.	Sở Tư pháp	

11	Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2003/NQ- HĐND ngày 09/01/2003 của HĐND tỉnh quy định về tên đường và công trình công cộng	Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.	Sở Văn hoá, Thể Thao và Du lịch	
12	Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính quy định: “ <i>Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân lập dự toán chi cho việc thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương</i> ”; Do đó, việc HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này là cần thiết và đúng thẩm quyền.	Sở Giáo dục và Đào tạo	
13	Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến theo quy định trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030	Trong những năm qua, kinh tế xã hội của tỉnh có những bước phát triển vượt bậc, sự phát triển mạnh mẽ của cơ sở hạ tầng kéo theo sự phát triển, hình thành các khu dân cư tập trung hiện đại thúc đẩy phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh. Cùng với những thuận lợi về điều kiện tự nhiên và định hướng phát triển chăn nuôi, ngành chăn nuôi của tỉnh đã có những bước phát triển nhanh chóng cả về số lượng lần chất lượng, trở thành ngành sản xuất hàng hóa và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu ngành nông nghiệp. Tỉnh đã thu hút nhiều công ty, tập đoàn chăn	Sở Nông nghiệp và PTNT	

		nuôi lớn đến đầu tư và tiếp tục mở rộng quy mô đầu tư chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn và gà. Đô thị hóa của tỉnh cũng từng bước phát triển mạnh, quy hoạch phát triển đô thị mở rộng, các cơ sở chăn nuôi nằm trong khu dân cư sẽ ảnh hưởng đến môi trường, cuộc sống của người dân. Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này là cần thiết và đúng thẩm quyền.		
14	Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp năm 2017 “<i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển dưới 20 ha; rừng sản xuất dưới 50 ha; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư</i>”. Hiện nay, có nhiều dự án đã được phê duyệt chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung. Các dự án này phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh. Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này là cần thiết và đúng thẩm quyền.	Sở Nông nghiệp và PTNT	
15	Sửa đổi, bổ sung phần căn cứ pháp lý của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ	Hiện Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đã bị thay thế bởi Thông tư số	Sở Nông nghiệp và PTNT	

	liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản của tỉnh Bình Phước	53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này là cần thiết và đúng thẩm quyền.		
16	Quy định mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025	Thực hiện khoản 2 điều 7; điều 9; khoản 2 điều 10; khoản 3 điều 11; điều 12 và khoản 2 điều 14 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 quy định “ <i>Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ</i> ”. Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này là cần thiết và đúng thẩm quyền.	Sở Nông nghiệp và PTNT	
17	Điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2023, tỉnh Bình Phước	Tại khoản 5, Điều 30, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: “ <i>Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết</i> ” và căn cứ nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan cần bổ sung, điều chỉnh nội dung thu, chi cho phù hợp. Vì vậy, việc thông qua điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2023 là phù hợp và đúng quy	Sở Tài chính	

		định.		
18	Thông qua Đề án thành lập thị trấn Bù Nho huyện Phú Riềng, thị trấn Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	Thực hiện Kết luận số 510-KL/TU ngày 23/9/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về thành lập thị trấn Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập, thành lập thị trấn Bù Nho huyện Phú Riềng; Công văn số 6638/BNV-CQĐP của Bộ Nội vụ về việc xây dựng đề án thành lập 02 thị trấn thuộc các huyện Bù Gia Mập và Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, theo đó, Bộ Nội vụ đã thuận chủ trương thực hiện xây dựng hồ sơ, Đề án thành lập 02 thị trấn nêu trên báo cáo Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định.	Sở Nội vụ	
19	Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh năm 2023	Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, quy định: <i>"Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao và triển khai thực hiện sau khi được Hội đồng nhân dân quyết định."</i>	Sở Nội vụ	
20	Phê duyệt số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2023	Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, quy định: <i>"Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước"</i>	Sở Nội vụ	

		<i>bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc đã được Bộ Nội vụ thẩm định".</i>		
--	--	--	--	--

2. Tại kỳ họp cuối năm 2023:

Gồm có 10 dự thảo Nghị quyết, cụ thể:

STT	Tên Nghị quyết	Sự cần thiết ban hành ban hành Nghị quyết	Cơ quan soạn thảo	Ghi chú
1	Về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2024, tỉnh Bình Phước.	Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan cần xây dựng dự toán thu, chi cho phù hợp. Vì vậy, việc thông qua dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2024 tỉnh Bình Phước là phù hợp và đúng quy định.	Sở Tài chính	
2	Về phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Bình Phước năm 2022	Tại khoản 5, Điều 69, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định về thời hạn và trình tự quyết toán ngân sách địa phương: "...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập quyết toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương trước ngày 31 tháng 12 năm sau". Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Bình Phước năm 2022 là phù hợp và đúng quy định.	Sở Tài chính	
3	Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024	Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; xác định mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu và các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế-xã hội năm 2024; làm căn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	

		cứ để giám sát việc điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của UBND tỉnh.		
4	Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công cuối năm 2023	Rà soát, điều chỉnh vốn từ các dự án chưa giải ngân, không có khả năng giải ngân sang những dự án có khả năng giải ngân tốt hơn, các dự án cần vốn để hoàn thành trong năm; đảm bảo tỷ lệ giải ngân theo kế hoạch đề ra.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
5	Thông qua Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	Khoản 2, Điều 63 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: “ <i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án</i> ”. Vì vậy, việc HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 là cần thiết và đúng thẩm quyền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6	Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 và hủy danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 (<i>được sửa đổi, bổ sung tại Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch</i>) và điểm đ khoản 4 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (<i>được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, Điều 1, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ</i>) thì “ <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh</i> ”. Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết này là cần thiết và đúng thẩm quyền.	Sở Tài nguyên và Môi trường	

7	Đề án quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Các căn cứ pháp lý trong Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21/7/2004; Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh đã hết hiệu lực như: Nghị định số 67/2003/NĐ-Đ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/12/2003 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-Đ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ. Mặt khác, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 về việc quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Do đó, để đảm bảo việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt phù hợp với các quy định hiện hành thì việc trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước để thay thế cho Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND và Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND là phù hợp và đúng thẩm quyền.	Sở Tài nguyên và Môi trường	
8	Sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024	Căn cứ Nghị quyết số 16/2020/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 về quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024. Theo quy định tại khoản 1 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 14 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì khi giá đất phổ	Sở Tài nguyên và Môi trường	

		biến trên thị trường biến động thì UBND cấp tỉnh điều chỉnh bảng giá đất cho phù hợp. Theo điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND thì UBND tỉnh điều chỉnh giá đất khi trong kỳ ban hành bảng giá đất, cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thay đổi mục đích sử dụng đất và bổ sung các tuyến đường, phố chưa có tên trong bảng giá đất hiện hành. Qua một thời gian áp dụng, được sự phản ánh từ các cơ quan, địa phương về những bất cập khi áp dụng Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024, cụ thể: một số quy định trong bảng giá đất như giá đất ở tại vị trí hẻm, giá đất nông nghiệp trong khu dân cư khi áp dụng còn bất cập, nhiều cách hiểu khác nhau hoặc không áp dụng được; một số tuyến đường trong phụ lục giá đất không đúng với hiện trạng thực tế; đồng thời một số tuyến đường mới đã được hoàn thiện hạ tầng nên cần thiết phải bổ sung. Xuất phát từ nguyên nhân nêu trên, việc xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh là thực sự cần thiết. Theo quy định của Luật Đất đai, bảng giá đất phải được HĐND tỉnh thông qua trước khi ban hành. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất tại Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND cần thiết phải được HĐND tỉnh xem xét thông qua.		
--	--	---	--	--

9	Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2025	Nhằm xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy, tạo điều kiện để các cá nhân, tổ chức thực hiện khởi nghiệp. Đồng thời, thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”: <i>“Nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 844 quy định tại Thông tư này là mức tối đa. Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn của các tổ chức, cá nhân tham gia Đề án 844 và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ trưởng của các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với các nhiệm vụ của Đề án 844 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các nội dung và mức chi đảm bảo phù hợp”</i>. Do đó, việc xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết này là cần thiết, đúng quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	
10	Quy định nội dung và mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Tại khoản 1, Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: <i>“Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 quy định tại Thông tư này là các mức tối đa. Căn cứ theo tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình 1322 và khả năng cân đối nguồn lực Bộ</i>	Sở Khoa học và Công nghệ	

		trường các Bộ, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các mức chi cho phù hợp”; Để có cơ sở cho cơ quan, đơn vị lập dự toán, phân bổ kinh phí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định thì việc xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết này là cần thiết, đúng quy định.		
--	--	--	--	--

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT. (Thg-02/2)



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 519 /HĐND

Bình Phước, ngày 20 tháng 12 năm 2022

V/v thống nhất thực hiện
quy trình xây dựng, ban hành
nghị quyết của HĐND tỉnh

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh.

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày 09 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ thực tiễn thực hiện công tác xây dựng và ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân (viết tắt là HĐND) tỉnh; trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan, Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp một số nội dung về quy trình xây dựng, ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh để các cơ quan liên quan tham khảo, thực hiện. Cụ thể như sau:

**I. ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
LÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

* *Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật*: Theo Điều 2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (VBQPPL): VBQPPL là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy trình sau:

1. Lập và thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết

1.1. Đối với nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên; chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên và biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an

ninh ở địa phương)

Bước 1:

a) Theo lĩnh vực mình phụ trách, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (viết tắt là UBMTTQVN) căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, tự mình hoặc theo đề xuất của cơ quan, tổ chức, đại biểu HĐND, có trách nhiệm đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết gồm:

- Tờ trình về đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ căn cứ ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của nghị quyết; thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết;

- Tài liệu khác (nếu có).

Bước 2: Cơ quan đề nghị có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết tại Bước 1 về Thường trực HĐND tỉnh để xem xét, quyết định.

1.2. Đối với nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương)

Cơ quan đề nghị thực hiện Quy trình xây dựng chính sách gồm các bước:

Bước 1: Xây dựng nội dung chính sách

Cơ quan đề nghị ban hành chính sách cần nghiên cứu và thực hiện các vấn đề có liên quan đến chính sách, thực hiện các nội dung theo quy định để xây dựng báo cáo nội dung chính sách, gồm:

- a) Xác định các vấn đề cần giải quyết, nguyên nhân của từng vấn đề;
- b) Xác định mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể cần đạt được khi giải quyết các vấn đề;
- c) Xác định định hướng, giải pháp để giải quyết từng vấn đề;
- d) Xác định đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách;
- đ) Xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề;
- e) Xác định tính hợp hiến, hợp pháp, sự cần thiết ban hành chính sách; thời gian (giai đoạn) thực hiện; nguồn lực thực hiện,...

Bước 2: Đánh giá tác động của chính sách

Cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết thực hiện đánh giá tác động của chính sách theo các nội dung sau:

a) Tác động về kinh tế của chính sách được đánh giá trên cơ sở phân tích chi phí và lợi ích đối với một hoặc một số nội dung về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương, chi tiêu công, đầu tư công và các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế;

b) Tác động về xã hội của chính sách được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội, chính sách dân tộc (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội;

c) Tác động về giới của chính sách (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới;

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách;

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật của chính sách được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

Sau khi đánh giá tác động chính sách, cơ quan đề nghị xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (theo Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Lấy ý kiến góp ý, phản biện dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách; tiếp thu, chỉnh lý dự thảo báo cáo.

Bước 3: Lập hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Sau khi tổ chức đánh giá tác động của chính sách, cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết bao gồm:

a) Dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết (trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; mục tiêu, nội dung chính sách trong dự thảo nghị quyết và các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn; thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết;

b) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết (kết quả của Bước 2);

c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng nghị quyết;

d) Dự kiến đề cương dự thảo nghị quyết;

đ) Tài liệu khác (nếu có).

Bước 4: Lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết được xây dựng ở Bước 3, cơ quan đề nghị thực hiện việc lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết và các cơ quan, tổ chức có

liên quan, cụ thể:

a) Đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến. Ngoài ra, có thể lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến;

b) Khi lấy ý kiến các cơ quan liên quan và các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo nghị quyết. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết tổ chức đối thoại trực tiếp về chính sách với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết;

Sau khi lấy ý kiến góp ý, cơ quan đề nghị xây dựng Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp.

Bước 5: Thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết do UBND tỉnh trình

Cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết đến Sở Tư pháp để thẩm định.

Hồ sơ gồm:

- a) Các tài liệu quy định tại Bước 3;
- b) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.

Sở Tư pháp thực hiện việc thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản có liên quan.

Bước 6: Thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết

a) Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết do UBND tỉnh trình thì UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để thông qua các chính sách trong từng đề nghị xây dựng nghị quyết.

Hồ sơ trình UBND tỉnh gồm:

- Tài liệu quy định tại Bước 5;
- Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

b) Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết do cơ quan, tổ chức khác đề nghị thì cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm thông qua các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

Bước 7: Trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết

Hồ sơ trình Thường trực HĐND tỉnh gồm:

- a) Các tài liệu quy định tại Bước 5;

b) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định (đối với đề nghị xây dựng nghị quyết do UBND tỉnh trình);

c) Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền tại Bước 6;

Thường trực HĐND tỉnh xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết. Trường hợp chấp thuận, Thường trực HĐND tỉnh có văn bản phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết và quyết định thời hạn trình HĐND tỉnh dự thảo nghị quyết.

2. Soạn thảo dự thảo nghị quyết

Sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh, cơ quan trình dự thảo nghị quyết tự mình hoặc phân công cơ quan trực thuộc thực hiện việc soạn thảo nghị quyết và thời gian hoàn thành;

Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc soạn thảo nghị quyết, đảm bảo đúng thủ tục, quy trình, chất lượng và thời hạn trình các cơ quan có thẩm quyền.

3. Tổ chức lấy ý kiến góp ý, lấy ý kiến phản biện đối với dự thảo nghị quyết

3.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết: Đăng tải toàn văn trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. Tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan, đối với trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản tương tự việc lấy ý kiến đề nghị xây dựng nghị quyết tại Bước 4, tiết 1.2, khoản 1, Mục I, văn bản này.

3.2. Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc lấy ý kiến phản biện xã hội của UBMTTQVN tỉnh đối với các dự thảo nghị quyết (và tài liệu kèm theo) có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chậm nhất là 15 ngày trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản;

Sau khi lấy ý kiến góp ý và ý kiến phản biện của UBMTTQVN tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến phản biện của UBMTTQVN tỉnh.

3.3. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản.

4. Thẩm định dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình

4.1. Sau khi hoàn tất việc lấy ý kiến góp ý và lấy ý kiến phản biện, đối với các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình, chậm nhất là 25 ngày trước ngày UBND tỉnh họp, cơ quan chủ trì soạn thảo có văn bản gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình UBND tỉnh về dự thảo nghị quyết;

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

d) Văn bản phản biện của UBMTTQVN tỉnh đối với dự thảo nghị quyết (nếu có);

đ) Tài liệu khác (nếu có).

4.2. Sở Tư pháp thực hiện việc thẩm định theo quy định của Luật Ban hành năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản khác có liên quan. Trong đó:

Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp phải được gửi đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ thẩm định;

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND tỉnh dự thảo nghị quyết.

4.3. Hồ sơ dự thảo nghị quyết trình UBND tỉnh

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến UBND tỉnh để chuyển đến các thành viên UBND tỉnh chậm nhất là **03 ngày** làm việc trước ngày UBND tỉnh họp. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình UBND tỉnh về dự thảo nghị quyết;
- Dự thảo nghị quyết;
- Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Tài liệu khác (nếu có).

5. Trách nhiệm của UBND tỉnh đối với dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh

5.1. Đối với dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình: UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để quyết định việc trình dự thảo nghị quyết ra HĐND tỉnh;

Chậm nhất là 25 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh, cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết phải gửi tờ trình, dự thảo nghị quyết và các tài liệu có liên quan đến UBND tỉnh để UBND tỉnh tham gia ý kiến;

Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh, UBND tỉnh phải gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết.

5.2. Đối với các nghị quyết do các cơ quan khác trình, UBND tỉnh có trách nhiệm tham gia góp ý trong quá trình xây dựng dự thảo nghị quyết.

6. Xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Cơ quan trình dự thảo nghị quyết thực hiện xin ý kiến đối với các dự thảo nghị quyết có nội dung cần phải xin ý kiến Tỉnh ủy theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy;

Đối với dự thảo nghị quyết do các cơ quan của HĐND tỉnh trình thì Đảng đoàn HĐND tỉnh thực hiện việc xin ý kiến; đối với dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình thì Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh thực hiện việc xin ý kiến;

Sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cơ quan trình dự thảo nghị quyết có trách nhiệm giải trình rõ các nội dung Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến trong Tờ trình trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

7. Thẩm tra dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh

Dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh phải được Ban của HĐND tỉnh thẩm tra trước khi trình HĐND tỉnh;

Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND hoặc theo thông báo kết luận tại Hội nghị liên tịch giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh để thống nhất nội dung, chương trình và thời gian công tác chuẩn bị, tổ chức kỳ họp thường lệ (giữa năm và cuối năm); cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của HĐND tỉnh được phân công thẩm tra để thẩm tra.

7.1. Hồ sơ gửi thẩm tra bao gồm:

- a) Các tài liệu quy định tại tiết 4.1, khoản 4, Mục I, văn bản này;
- b) Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình; ý kiến của UBND tỉnh và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của UBND tỉnh đối với dự thảo nghị quyết không do UBND tỉnh trình;
- c) Văn bản cho ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (nếu có);

Cơ quan thẩm tra không tiến hành thẩm tra dự thảo nghị quyết khi chưa đủ các tài liệu trong hồ sơ hoặc hồ sơ gửi không đúng thời hạn theo quy định.

7.2. Nội dung thẩm tra theo Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và khoản 38 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

8. HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết

8.1. Hồ sơ dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh

Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo việc chuẩn bị hồ sơ dự thảo nghị quyết để gửi đến đại biểu HĐND tỉnh. Hồ sơ dự thảo nghị quyết bao gồm:

- a) Các văn bản quy định tại tiết 7.1, khoản 7, Mục I, văn bản này;
- b) Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh; báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý tại các Tổ của đại biểu HĐND tỉnh; văn bản giải trình, tiếp thu ý

kiến thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh và ý kiến góp ý của đại biểu HĐND tỉnh (nếu có);

c) Tài liệu khác (nếu có).

8.2. HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh: thực hiện theo Điều 126 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

II. QUY TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT KHÔNG PHẢI LÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HĐND TỈNH

Nghị quyết do HĐND tỉnh ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật trong các trường hợp sau:

- Nghị quyết về lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu (theo thực tế);
- Nghị quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu HĐND tỉnh và các chức vụ khác;
- Nghị quyết phê chuẩn kết quả bầu cử đại biểu HĐND và bầu các chức vụ khác;
- Nghị quyết giải tán HĐND cấp huyện;
- Nghị quyết phê chuẩn cơ cấu cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Nghị quyết thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Nghị quyết tổng biên chế ở địa phương;
- Nghị quyết giao dự toán, quyết toán ngân sách địa phương;
- Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh (theo dự kiến thực tế);
- Nghị quyết về chương trình, đề án, dự án, kế hoạch.

1. Đăng ký nghị quyết trình tại các kỳ họp của HĐND tỉnh

a) UBND tỉnh rà soát các văn bản pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách, xem xét tình hình thực tế tại địa phương, nếu xét thấy cần thiết phải trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết thì có văn bản gửi Thường trực HĐND tỉnh trước ít nhất 1,5 tháng (đối với kỳ họp chuyên đề, họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất) hoặc đưa vào trình đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh (đối với kỳ họp thường lệ giữa năm hoặc cuối năm);

b) Văn bản đăng ký xây dựng nghị quyết phải nêu cụ thể sự cần thiết ban hành; đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của nghị quyết; thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết;

c) Thường trực HĐND tỉnh xem xét văn bản đăng ký của các cơ quan gửi đến, trường hợp chấp thuận, Thường trực HĐND tỉnh phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết và ấn định thời hạn trình.

2. Quy trình soạn thảo nghị quyết không phải là văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh

2.1. Xây dựng dự thảo nghị quyết

Sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh, cơ quan trình dự thảo nghị quyết có văn bản phân công cơ quan chủ trì soạn thảo nghị

quyết và thời gian hoàn thành;

Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc soạn thảo nghị quyết, đảm bảo chất lượng của dự thảo và thời hạn trình.

2.1.1. Tổ chức lấy ý kiến góp ý, lấy ý kiến phản biện đối với dự thảo nghị quyết (đối với các dự thảo nghị quyết có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích chính đáng của Nhân dân, có tác động đến nhiều đối tượng trong xã hội hoặc trong trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo xét thấy cần thiết phải lấy ý kiến).

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo nghị quyết như sau:

- Tiến hành lấy ý kiến đối với các cơ quan liên quan và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các nội dung trong dự thảo nghị quyết;

- Hình thức lấy ý kiến tương tự quy trình lấy ý kiến đối với các nghị quyết quy phạm pháp luật;

- Sau khi lấy ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc lấy ý kiến phản biện xã hội đối với các dự thảo nghị quyết có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Sau khi nhận được ý kiến góp ý, ý kiến phản biện xã hội, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến phản biện của UBND tỉnh.

2.1.2. Trách nhiệm của UBND tỉnh đối với dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh

a) Đối với dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình: UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để quyết định việc trình dự thảo nghị quyết ra HĐND tỉnh;

b) Đối với các nghị quyết do các cơ quan khác trình, UBND tỉnh có trách nhiệm tham gia góp ý trong quá trình xây dựng dự thảo nghị quyết.

2.2. Xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Cơ quan trình dự thảo nghị quyết thực hiện xin ý kiến đối với các dự thảo nghị quyết có nội dung cần phải xin ý kiến Tỉnh ủy theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy trước khi gửi hồ sơ đến các Ban của HĐND tỉnh để thẩm tra;

Đối với dự thảo nghị quyết do các cơ quan của HĐND tỉnh trình thì Đảng đoàn HĐND tỉnh thực hiện việc xin ý kiến; đối với nghị quyết do UBND tỉnh trình thì Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh thực hiện việc xin ý kiến;

Sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cơ quan trình dự thảo nghị quyết có trách nhiệm giải trình rõ các nội dung Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến trong Tờ trình trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

3. Thẩm tra dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh

Hồ sơ gửi thẩm tra bao gồm:

- a) Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo nghị quyết;
- b) Dự thảo nghị quyết;
- c) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;
- d) Văn bản phản biện của UBMTTQVN tỉnh và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến phản biện (nếu có);
- đ) Văn bản cho ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (nếu có);
- e) Tài liệu khác (nếu có);

Cơ quan thẩm tra không tiến hành thẩm tra dự thảo nghị quyết khi chưa đủ các tài liệu trong hồ sơ hoặc hồ sơ gửi không đúng thời hạn theo quy định.

4. HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết

4.1. Hồ sơ dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh

Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo việc chuẩn bị hồ sơ dự thảo nghị quyết để gửi đến đại biểu HĐND tỉnh.

4.2. HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Thường trực HĐND tỉnh (thông qua Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh) để cho ý kiến chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH

KT. CHỦ TỊCH *Phur*

HÓ CHỦ TỊCH



Lê Hoàng Lâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53 /HĐND

Bình Phước, ngày 14 tháng 02 năm 2023

V/v thống nhất danh mục dự thảo nghị
quyết của HĐND tỉnh trình tại kỳ họp
thường lệ năm 2023.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thường trực HĐND tỉnh nhận được Tờ trình số 12/Tr-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh về việc đăng ký danh mục dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh thông qua trong năm 2023. Sau khi xem xét, Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với danh mục 30 dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thường lệ năm 2023, cụ thể:

Kỳ họp giữa năm 2023: 20 dự thảo nghị quyết

1) Điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2023, tỉnh Bình Phước;

2) Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023;

3) Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

4) Thông qua Nghị quyết về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024;

5) Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;

6) Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

7) Thông qua danh mục bổ sung các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020;

8) Bãi bỏ Nghị quyết số 05/2003/NQ-HĐND ngày 09/01/2003 của HĐND tỉnh quy định về tên đường và công trình công cộng;

9) Quy định nội dung và mức chi điều tra thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

10) Thay thế Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

11) Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

12) Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến theo quy định trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030;

13) Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

14) Sửa đổi, bổ sung phần căn cứ pháp lý của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản của tỉnh Bình Phước;

15) Quy định mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025;

16) Quy định về mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

17) Quy định mức hỗ trợ cho giám định tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc; người giúp việc cho giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

18) Thông qua Đề án thành lập thị trấn Bù Nho, huyện Phú Riềng, thị trấn Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập;

19) Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh năm 2023;

20) Phê duyệt số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2023.

Kỳ họp cuối năm 2023: 10 dự thảo nghị quyết

1) Dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2024, tỉnh Bình Phước;

2) Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Bình Phước năm 2022;

3) Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

4) Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công cuối năm 2023;

5) Thông qua Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024;

6) Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 và hủy danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

7) Đề án quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

8) Sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024;

9) Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2025;

10) Quy định nội dung và mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Để đảm bảo trình tự, thủ tục ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh tại kỳ họp thường lệ năm 2023 đúng quy định của pháp luật và đạt chất lượng, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh gửi đề nghị xây dựng nghị quyết tại kỳ họp

giữa năm 2023 (có hồ sơ kèm theo) trước ngày **30/3/2023**; tại kỳ họp cuối năm 2023 trước ngày **05/9/2023** đến Thường trực HĐND tỉnh; trên cơ sở đó, Thường trực HĐND tỉnh chủ trì, tổ chức Hội nghị liên tịch chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp giữa năm và cuối năm 2023 của HĐND tỉnh; đồng thời, xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết, nếu chấp thuận sẽ phân công cơ quan, tổ chức trình và quyết định thời hạn trình HĐND tỉnh dự thảo nghị quyết theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH

KT. CHỦ TỊCH *Phan*

Ó CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Lê Hoàng Lâm